

**Phụ lục 3: DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
ĐẠI HỌC KHÓA 11 (2015 - 2019) ĐỢT 1 THÁNG 6 NĂM 2019 - ĐÀO TẠO TẠI HÀ NỘI
Ngành: Kế toán**

(Kèm theo Quyết định số: 1169/QĐ - ĐHLĐXH, ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	1111020003	Nguyễn Phương Anh	Nữ	D11KT1	15/12/1997	Sơn La	2.62	Khá	
2	1111020005	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	D11KT1	31/10/1997	Hà Nội	2.58	Khá	
3	1111020008	Vũ Thị Nguyệt Ánh	Nữ	D11KT1	15/12/1997	Nam Định	2.9	Khá	
4	1111020011	Đinh Ngọc Minh Châu	Nữ	D11KT1	20/07/1997	Hung Yên	2.96	Khá	
5	1111020012	Nguyễn Quỳnh Châu	Nữ	D11KT1	24/01/1997	Hà Nội	2.45	Trung bình	
6	1111020014	Nguyễn Thị Chung	Nữ	D11KT1	01/02/1997	Nghệ An	2.76	Khá	
7	1111020016	Đỗ Thị Dung	Nữ	D11KT1	14/12/1997	Thanh Hóa	2.96	Khá	
8	1111020015	Lý Ngọc Thảo Đoan	Nữ	D11KT1	24/01/1997	Cao Bằng	2.18	Trung bình	
9	1111020020	Phan Thị Hà	Nữ	D11KT1	28/08/1996	Hà Tĩnh	2.72	Khá	
10	1111020027	Điệp Thị Hoàng	Nữ	D11KT1	24/11/1997	Quảng Ninh	2.77	Khá	
11	1111020029	Nguyễn Thị Thanh Hồng	Nữ	D11KT1	06/07/1997	Hà Nội	2.4	Trung bình	
12	1111020030	Đặng Thị Huệ	Nữ	D11KT1	17/02/1997	Bắc Ninh	2.74	Khá	
13	1111020031	Đào Thu Hương	Nữ	D11KT1	29/08/1997	Bắc Giang	2.61	Khá	
14	1111020034	Nguyễn Thu Hường	Nữ	D11KT1	16/05/1997	Bắc Giang	2.74	Khá	
15	1111020040	Tổng Thị Lệ	Nữ	D11KT1	25/11/1997	Thái Bình	3.28	Giỏi	
16	1111020042	Trần Thị Mỹ Linh	Nữ	D11KT1	08/08/1997	Hung Yên	2.43	Trung bình	
17	1111020046	Phạm Thị Hồng Lua	Nữ	D11KT1	23/05/1997	Nam Định	2.11	Trung bình	
18	1111020049	Chu Tuấn Mạnh	Nam	D11KT1	12/11/1997	Hòa Bình	2.62	Khá	
19	1111020054	Lê Thùy Nhung	Nữ	D11KT1	10/11/1997	Lai Châu	2.63	Khá	
20	1111020057	Nguyễn Thị Phương	Nữ	D11KT1	14/10/1997	Thái Bình	3.11	Khá	
21	1111020061	Bùi Thị Thanh	Nữ	D11KT1	12/05/1997	Nam Định	2.65	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
22	1111020064	Lương Thị Thu	Nữ	D11KT1	27/08/1997	Thái Bình	3.17	Khá	
23	1111020067	Trần Thu Thủy	Nữ	D11KT1	23/12/1997	Bắc Ninh	2.76	Khá	
24	1111020065	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	D11KT1	20/05/1997	Hà Nội	2.64	Khá	
25	1111020071	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	D11KT1	31/12/1997	Yên Bái	3.23	Giỏi	
26	1111020072	Nguyễn Thu Trang	Nữ	D11KT1	23/11/1997	Quảng Ninh	2.72	Khá	
27	1111020076	Trần Thị Tường Vân	Nữ	D11KT1	12/08/1997	Hải Phòng	3.39	Giỏi	
28	1111020077	Hoàng Thị Yến	Nữ	D11KT1	20/01/1997	Bắc Giang	3.1	Khá	
29	1111020078	Lê Thị Hải Yến	Nữ	D11KT1	30/05/1997	Hà Nội	3.27	Giỏi	
30	1111020085	Lê Phương Anh	Nữ	D11KT2	24/04/1997	Thanh Hóa	2.61	Khá	
31	1111020087	Ng. Hoàng Phương Anh	Nữ	D11KT2	17/01/1997	Quảng Ninh	2.56	Khá	
32	1111020088	Nguyễn Thị Hải Anh	Nữ	D11KT2	18/10/1997	Hà Nội	2.83	Khá	
33	1111020091	Vương Quỳnh Anh	Nữ	D11KT2	22/09/1997	Quảng Ninh	3.1	Khá	
34	1111020098	Lương Thùy Dung	Nữ	D11KT2	29/09/1997	Lào Cai	2.85	Khá	
35	1111020099	Trần Thị Mỹ Duyên	Nữ	D11KT2	10/10/1997	Ninh Bình	2.86	Khá	
36	1111020100	Nguyễn Thanh Hà	Nữ	D11KT2	20/06/1997	Hà Nội	2.37	Trung bình	
37	1111020105	Bùi Thu Hiền	Nữ	D11KT2	27/11/1997	Hải Dương	2.81	Khá	
38	1111020106	Trịnh Hồng Hiền	Nữ	D11KT2	18/11/1997	Thanh Hóa	2.82	Khá	
39	1111020111	Nguyễn Minh Huệ	Nữ	D11KT2	27/02/1997	Hà Nội	3.19	Khá	
40	1111020113	Đinh Thị Thu Hương	Nữ	D11KT2	02/06/1997	Thái Bình	2.65	Khá	
41	1111020114	Ngô Thị Thanh Hương	Nữ	D11KT2	02/10/1997	Hải Phòng	2.79	Khá	
42	1111020115	Vũ Thị Mai Hương	Nữ	D11KT2	10/04/1997	Nam Định	2.88	Khá	
43	1111020120	Chu Hồng Liên	Nữ	D11KT2	10/07/1997	Hà Nội	3.41	Giỏi	
44	1111020134	Nguyễn Hằng Nga	Nữ	D11KT2	01/07/1997	Quảng Ninh	2.75	Khá	
45	1111020136	Nguyễn Thu Nga	Nữ	D11KT2	01/05/1997	Hà Nội	2.75	Khá	
46	1111020139	Nguyễn Hoàng Phương	Nữ	D11KT2	17/10/1997	Ninh Bình	2.86	Khá	
47	1111020144	Lương Thu Thảo	Nữ	D11KT2	20/12/1997	Hà Nội	3.07	Khá	
48	1111020149	Nguyễn Thị Ngọc Thu	Nữ	D11KT2	19/09/1997	Hà Nội	3.04	Khá	
49	1111020153	Đặng Kim Trang	Nữ	D11KT2	05/02/1997	Quảng Ninh	2.66	Khá	
50	1111020157	Dương Thị Hải Yến	Nữ	D11KT2	30/10/1997	Hà Tĩnh	2.78	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
51	1111020158	Hoàng Hải Yến	Nữ	D11KT2	21/11/1997	Hà Nội	2.82	Khá	
52	1111020161	Đỗ Lan Anh	Nữ	D11KT3	01/12/1997	Hà Nam	3.29	Giỏi	
53	1111020162	Lê Ngọc Anh	Nữ	D11KT3	05/11/1997	Phú Thọ	2.64	Khá	
54	1111020163	Lê Thị Tú Anh	Nữ	D11KT3	26/04/1997	Hà Nội	3.22	Giỏi	
55	1111020169	La Thị Dung	Nữ	D11KT3	15/11/1997	Bắc Giang	2.94	Khá	
56	1111020172	Bùi Thùy Duyên	Nữ	D11KT3	26/02/1997	Quảng Ninh	3.08	Khá	
57	1111020173	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	D11KT3	01/08/1997	Thanh Hóa	2.79	Khá	
58	1111020170	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	D11KT3	03/09/1996	Thái Bình	2.04	Trung bình	
59	1111020168	Đinh Công Minh Đức	Nam	D11KT3	12/03/1997	Thái Bình	2.64	Khá	
60	1111020174	Bùi Thị Ngân Hà	Nữ	D11KT3	17/11/1997	Hung Yên	2.75	Khá	
61	1111020178	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	D11KT3	16/06/1997	Hà Tĩnh	2.66	Khá	
62	1111020180	Đinh Thị Như Hào	Nữ	D11KT3	16/12/1997	Nghệ An	2.66	Khá	
63	1111020182	Nguyễn Minh Hiền	Nữ	D11KT3	27/12/1997	Hà Nội	3.36	Giỏi	
64	1111020184	Đỗ Thị Ánh Hồng	Nữ	D11KT3	20/07/1997	Hà Nội	2.69	Khá	
65	1111020190	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	D11KT3	13/01/1997	Hà Nội	3.32	Giỏi	
66	1111020196	Nguyễn Phương Linh	Nữ	D11KT3	31/08/1997	Thanh Hoá	3.01	Khá	
67	1111020197	Nguyễn Thị Linh	Nữ	D11KT3	23/09/1997	Bắc Ninh	2.86	Khá	
68	1111020200	Phạm Thị Mỹ Linh	Nữ	D11KT3	21/07/1997	Quảng Ninh	2.62	Khá	
69	1111020203	Vũ Thùy Linh	Nữ	D11KT3	13/02/1997	Hà Nội	2.44	Trung bình	
70	1111020205	Nguyễn Thị Khánh Ly	Nữ	D11KT3	05/11/1997	Phú Thọ	2.93	Khá	
71	1111020206	Đào Thanh Mai	Nữ	D11KT3	10/04/1997	Ninh Bình	2.76	Khá	
72	1111020208	Hoàng Thị Thúy Ngọc	Nữ	D11KT3	14/04/1997	Nghệ An	3.07	Khá	
73	1111020210	Vũ Hồng Ngọc	Nữ	D11KT3	01/12/1997	Thái Bình	2.23	Trung bình	
74	1111020211	Ngô Đức Nguyên	Nam	D11KT3	21/10/1997	Hung Yên	2.68	Khá	
75	1111020221	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	D11KT3	09/02/1997	Thái Nguyên	3.01	Khá	
76	1111020229	Đào Hồng Thùy	Nữ	D11KT3	01/01/1997	Hà Nội	2.63	Khá	
77	1111020234	Nguyễn Viết Tùng	Nam	D11KT3	22/06/1997	Hà Nội	2.82	Khá	
78	1111020236	Nguyễn Thị Xuyên	Nữ	D11KT3	15/02/1997	Hà Nam	3.2	Giỏi	
79	1111020245	Hoàng Thị Bi Bi	Nữ	D11KT4	29/09/1997	Nghệ An	2.82	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
80	1111020246	Ngô Thị Bích	Nữ	D11KT4	28/10/1997	Phú Thọ	2.84	Khá	
81	1111020249	Lê Thùy Dung	Nữ	D11KT4	28/11/1997	Hà Nội	3.28	Giỏi	
82	1111020252	Lương Thị Duyên	Nữ	D11KT4	16/09/1997	Phú Thọ	2.66	Khá	
83	1111020256	Lê Thị Thu Hạnh	Nữ	D11KT4	14/06/1997	Nghệ An	3.28	Giỏi	
84	1111020258	Vũ Hồng Hạnh	Nữ	D11KT4	12/12/1996	Nam Định	2.77	Khá	
85	1111020271	Bùi Thị Thùy Linh	Nữ	D11KT4	29/06/1997	Hải Phòng	2.61	Khá	
86	1111020276	Lê Thị Hà Linh	Nữ	D11KT4	20/05/1997	Hà Nam	2.73	Khá	
87	1111020278	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	D11KT4	23/12/1997	Vĩnh Phúc	2.76	Khá	
88	1111020279	Nguyễn Thị Linh	Nữ	D11KT4	02/09/1997	Thanh Hoá	2.66	Khá	
89	1111020281	Phạm Chí Linh	Nam	D11KT4	10/05/1997	Hà Nội	3.12	Khá	
90	1111020283	Nguyễn Thiên Lý	Nữ	D11KT4	28/01/1997	Hung Yên	2.89	Khá	
91	1111020287	Trần Công Minh	Nam	D11KT4	22/11/1997	Thanh Hóa	2.84	Khá	
92	1111020290	Đặng Thị Ngọc	Nữ	D11KT4	10/04/1997	Hà Nội	2.68	Khá	
93	1111020296	Bùi Minh Phương	Nữ	D11KT4	10/11/1997	Hà Nội	2.62	Khá	
94	1111020299	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	D11KT4	19/08/1997	Bắc Ninh	2.67	Khá	
95	1111020301	Đặng Thị Hồng Thanh	Nữ	D11KT4	23/12/1997	Hà Nam	3.05	Khá	
96	1111020302	Lê Thị Thu Thành	Nữ	D11KT4	30/07/1997	Hà Nội	3.5	Giỏi	
97	1111020306	Phan Thị Thủy	Nữ	D11KT4	21/08/1997	Hải Dương	2.71	Khá	
98	1111020311	Vũ Thị Trang	Nữ	D11KT4	03/11/1997	Nam Định	2.54	Khá	
99	1111020314	Nông Bích Vân	Nữ	D11KT4	03/06/1997	Lạng Sơn	2.4	Trung bình	
100	1111020318	Dương Thị Bảo	Nữ	D11KT5	18/10/1997	Hải Dương	3.22	Giỏi	
101	1111020320	Lê Thị Chi	Nữ	D11KT5	18/06/1997	Hà Nội	3.11	Khá	
102	1111020324	Trần Thị Thùy Dương	Nữ	D11KT5	03/07/1997	Hà Nam	3.12	Khá	
103	1111020327	Phạm Minh Hằng	Nữ	D11KT5	25/12/1997	Hà Nội	3.25	Giỏi	
104	1111020333	Hoàng Thanh Huyền	Nữ	D11KT5	22/01/1997	Thái Bình	2.72	Khá	
105	1111020337	Trịnh Mai Lan	Nữ	D11KT5	28/02/1997	Thái Nguyên	2.84	Khá	
106	1111020342	Bùi Thị Thanh Mai	Nữ	D11KT5	22/09/1997	Quảng Ninh	2.82	Khá	
107	1111020348	Dương Thị Thúy Nga	Nữ	D11KT5	27/09/1997	Hà Nội	2.56	Khá	
108	1111020351	Lưu Thị Kim Ngân	Nữ	D11KT5	08/01/1997	Hà Nội	2.87	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
109	1111020352	Nguyễn Thị Hoa Ngân	Nữ	D11KT5	19/01/1997	Nghệ An	2.86	Khá	
110	1111020355	Vũ Thị Hồng Ngọc	Nữ	D11KT5	19/12/1997	Thái Bình	2.61	Khá	
111	1111020359	Lê Thị Thu Phương	Nữ	D11KT5	06/06/1997	Hà Nội	2.52	Khá	
112	1111020364	Nguyễn Thúy Quỳnh	Nữ	D11KT5	22/02/1997	Ninh Bình	2.57	Khá	
113	1111020365	Phan Thị Sáng	Nữ	D11KT5	19/12/1997	Hải Phòng	3.17	Khá	
114	1111020366	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	D11KT5	23/06/1997	Hà Nội	2.61	Khá	
115	1111020372	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	D11KT5	04/01/1997	Hà Nội	3.12	Khá	
116	1111020377	Phạm Thị Thu Thủy	Nữ	D11KT5	13/01/1997	Quảng Ninh	2.5	Khá	
117	1111020379	Vũ Thu Thủy	Nữ	D11KT5	16/10/1997	Hà Nội	2.97	Khá	
118	1111020383	Đặng Thị Quỳnh Trang	Nữ	D11KT5	01/08/1997	Hải Dương	2.67	Khá	
119	1111020385	Đỗ Thị Thu Trang	Nữ	D11KT5	02/12/1997	Thái Bình	2.92	Khá	
120	1111020388	Nguyễn Thiên Trang	Nữ	D11KT5	29/09/1996	Ninh Bình	3.16	Khá	
121	1111020389	Đinh Thị Phương Trinh	Nữ	D11KT5	31/10/1997	Quảng Ninh	2.43	Trung bình	
122	1111020390	Phạm Thị Tươi	Nữ	D11KT5	20/09/1997	Thái Bình	3.5	Giỏi	
123	1111020393	Bùi Thị Hải Yến	Nữ	D11KT5	03/10/1997	Bắc Ninh	3.03	Khá	
124	1111020397	Lê Thị Lan Anh	Nữ	D11KT6	08/06/1997	Hải Dương	2.47	Trung bình	
125	1111020399	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	D11KT6	26/05/1996	Hà Nội	2.55	Khá	
126	1111020401	Trịnh Tú Anh	Nữ	D11KT6	08/10/1997	Hà Nội	2.59	Khá	
127	1111020403	Vũ Mai Ngọc Ánh	Nữ	D11KT6	24/09/1997	Thanh Hóa	2.76	Khá	
128	1111020404	Nguyễn Linh Chi	Nữ	D11KT6	07/11/1997	Hà Nội	2.64	Khá	
129	1111020407	Trần Mạnh Duy	Nam	D11KT6	27/11/1997	Vĩnh Phúc	2.02	Trung bình	
130	1111020409	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	D11KT6	08/09/1997	Vĩnh Phúc	2.29	Trung bình	
131	1111020421	Lê Thị Huế	Nữ	D11KT6	31/07/1997	Thanh Hóa	2.81	Khá	
132	1111020426	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	D11KT6	23/07/1997	Hà Nam	2.21	Trung bình	
133	1111020427	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	D11KT6	03/01/1997	Phú Thọ	2.8	Khá	
134	1111020424	Hoàng Mai Hương	Nữ	D11KT6	03/10/1997	Nam Định	2.57	Khá	
135	1111020434	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	D11KT6	01/08/1997	Hà Nội	2.99	Khá	
136	1111020435	Phạm Thị Diệu Linh	Nữ	D11KT6	11/01/1997	Quảng Ninh	3.23	Giỏi	
137	1111020436	Phan Thị Thuỳ Linh	Nữ	D11KT6	09/06/1997	Phú Thọ	2.78	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
138	1111020443	Hoàng Thu Nga	Nữ	D11KT6	18/02/1997	Phú Thọ	2.72	Khá	
139	1111020445	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	D11KT6	23/01/1997	Hải Dương	3.32	Giỏi	
140	1111020448	Đoàn Thị Hồng Nhung	Nữ	D11KT6	20/10/1997	Hà Nam	2.81	Khá	
141	1111020449	Vũ Hồng Nhung	Nữ	D11KT6	31/03/1997	Hưng Yên	2.86	Khá	
142	1111020450	Phạm Đào Quyên	Nữ	D11KT6	14/04/1997	Hà Nội	2.83	Khá	
143	1111020451	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	D11KT6	08/09/1997	Hải Dương	2.57	Khá	
144	1111020452	Phạm Thị Hương Quỳnh	Nữ	D11KT6	21/09/1997	Ninh Bình	2.48	Trung bình	
145	1111020456	Phan Thanh Tâm	Nữ	D11KT6	15/09/1997	Thái Bình	2.27	Trung bình	
146	1111020460	Trần Thị Thanh Thúy	Nữ	D11KT6	05/05/1997	Hà Tĩnh	2.14	Trung bình	
147	1111020463	Trịnh Thị Thùy Tiên	Nữ	D11KT6	07/12/1997	Thanh Hoá	2.15	Trung bình	
148	1111020464	Nguyễn Thị Trang	Nữ	D11KT6	05/12/1997	Bắc Ninh	2.97	Khá	
149	1111020465	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	D11KT6	07/01/1996	Nghệ An	2.8	Khá	
150	1111020467	Trương Thị Huyền Trang	Nữ	D11KT6	11/09/1997	Hà Nội	2.74	Khá	
151	1111020073	Vũ Thị Huyền Trang	Nữ	D11KT6	18/06/1997	Hà Nội	3.25	Giỏi	
152	1111020475	Lê Thị Phương Anh	Nữ	D11KT7	20/08/1997	Phú Thọ	2.91	Khá	
153	1111020477	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	D11KT7	10/10/1997	Thái Bình	2.62	Khá	
154	1111020478	Chu Thị Ngọc Ánh	Nữ	D11KT7	22/02/1997	Hà Nam	2.62	Khá	
155	1111020479	Đinh Thị Ba	Nữ	D11KT7	03/11/1996	Quảng Ninh	2.57	Khá	
156	1111020481	Lê Thị Thùy Dung	Nữ	D11KT7	24/06/1997	Hải Dương	2.82	Khá	
157	1111020482	Vũ Thị Dung	Nữ	D11KT7	16/08/1997	Nam Định	2.55	Khá	
158	1111020485	Hoàng Thị Thu Hà	Nữ	D11KT7	10/06/1997	Hà Nội	2.67	Khá	
159	1111020488	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	D11KT7	18/01/1997	Bắc Giang	2.82	Khá	
160	1111020486	Bùi Thúy Hằng	Nữ	D11KT7	07/02/1997	Hà Nam	2.81	Khá	
161	1111020493	Tạ Thu Hiền	Nữ	D11KT7	21/08/1997	Thanh Hóa	2.74	Khá	
162	1111020495	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	D11KT7	23/07/1997	Vĩnh Phúc	2.76	Khá	
163	1111020502	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	D11KT7	04/03/1997	Nam Định	2.92	Khá	
164	1111020503	Phạm Thanh Huyền	Nữ	D11KT7	29/07/1997	Ninh Bình	2.85	Khá	
165	1111020499	Phạm Thu Hương	Nữ	D11KT7	20/12/1997	Thái Bình	2.75	Khá	
166	1111020504	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	D11KT7	05/10/1997	Nam Định	2.79	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
167	1111020508	Nguyễn Gia Linh	Nữ	D11KT7	06/09/1997	Yên Bái	2.79	Khá	
168	1111020511	Phạm Thùy Linh	Nữ	D11KT7	14/11/1997	Ninh Bình	3.24	Giỏi	
169	1111020513	Hoàng Thị Lường	Nữ	D11KT7	29/11/1997	Hà Nội	3.45	Giỏi	
170	1111020515	Phạm Thị Mai	Nữ	D11KT7	08/11/1997	Hà Nội	3.06	Khá	
171	1111020517	Bùi Phương Nga	Nữ	D11KT7	23/03/1997	Hà Tĩnh	3.06	Khá	
172	1111020525	Nguyễn Khánh Phượng	Nữ	D11KT7	25/11/1997	Hà Nội	2.94	Khá	
173	1111020530	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	D11KT7	12/07/1997	Hưng Yên	2.65	Khá	
174	1111020533	Nguyễn Thị Ngân Thảo	Nữ	D11KT7	22/07/1997	Nghệ An	2.6	Khá	
175	1111020541	Nguyễn Thị Vân Trang	Nữ	D11KT7	24/10/1997	Thái Bình	2.37	Trung bình	
176	1111020542	Trần Thị Thu Trang	Nữ	D11KT7	25/03/1997	Quảng Ninh	2.61	Khá	
177	1111020543	Trần Thu Trang	Nữ	D11KT7	08/07/1997	Hà Nội	2.68	Khá	
178	1111020545	Vũ Thị Quỳnh Trang	Nữ	D11KT7	11/02/1997	Bắc Giang	3.03	Khá	
179	1111020546	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	D11KT7	07/03/1997	Bắc Giang	2.7	Khá	
180	1111020548	Phạm Phương Uyên	Nữ	D11KT7	29/04/1997	Ninh Bình	2.2	Trung bình	
181	1111020554	Phạm Phương Anh	Nữ	D11KT8	25/07/1997	Thái Bình	2.75	Khá	
182	1111020559	Hà Minh Châu	Nữ	D11KT8	27/03/1997	Hà Nội	2.48	Trung bình	
183	1111020565	Mai Thùy Dương	Nữ	D11KT8	24/12/1997	Ninh Bình	2.75	Khá	
184	1111020566	Phạm Thị Dương	Nữ	D11KT8	10/05/1997	Ninh Bình	2.67	Khá	
185	1111020573	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	D11KT8	24/05/1997	Thanh Hoá	3.08	Khá	
186	1111020576	Trịnh Thị Hiền	Nữ	D11KT8	25/05/1997	Thanh Hóa	3.01	Khá	
187	1111020577	Lê Minh Hiếu	Nữ	D11KT8	27/12/1997	Thanh Hoá	2.72	Khá	
188	1111020586	Lưu Thị Thu Huyền	Nữ	D11KT8	18/05/1997	Hà Nam	2.72	Khá	
189	1111020582	Lưu Thị Lan Hương	Nữ	D11KT8	20/08/1997	Thái Bình	2.88	Khá	
190	1111020587	Nguyễn Minh Khuê	Nữ	D11KT8	28/07/1997	Hà Nội	3.59	Giỏi	
191	1111020597	Nguyễn Thị Phương Mai	Nữ	D11KT8	20/02/1997	Hà Nội	2.64	Khá	
192	1111020599	Đỗ Thị Kim Ngân	Nữ	D11KT8	01/06/1997	Hà Nội	3.5	Giỏi	
193	1111020602	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Nữ	D11KT8	28/12/1997	Quảng Ninh	2.78	Khá	
194	1111020603	Trương Thị Bích Ngọc	Nữ	D11KT8	28/07/1997	Nghệ An	2.88	Khá	
195	1111020609	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nữ	D11KT8	18/07/1997	Hà Nội	2.68	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
196	1111020610	Phạm Thu Quỳnh	Nữ	D11KT8	30/08/1997	Hà Nội	2.44	Trung bình	
197	1111020612	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	D11KT8	29/12/1996	Nghệ An	2.91	Khá	
198	1111020617	Trần Thị Thùy	Nữ	D11KT8	05/09/1997	Hà Nam	2.84	Khá	
199	1111020616	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Nữ	D11KT8	28/10/1997	Ninh Bình	2.65	Khá	
200	1111020619	Nguyễn Thị Trang	Nữ	D11KT8	26/01/1997	Thái Bình	2.82	Khá	
201	1111020624	Hoàng Anh Tuấn	Nam	D11KT8	12/09/1997	Hà Nội	2.45	Trung bình	
202	1111020633	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	D11KT9	15/11/1997	Hà Nội	2.42	Trung bình	
203	1111020637	Nguyễn Thu Cúc	Nữ	D11KT9	15/08/1997	Lào Cai	2.62	Khá	
204	1111020640	Tô Thị Dung	Nữ	D11KT9	05/01/1997	Thanh Hoá	2.23	Trung bình	
205	1111020643	Trần Thị Hồng Giang	Nữ	D11KT9	17/02/1997	Hà Nam	2.67	Khá	
206	1111020644	Hoàng Việt Hà	Nữ	D11KT9	12/07/1997	Hà Nội	3.42	Giỏi	
207	1111020647	Ngô Thúy Hằng	Nữ	D11KT9	28/07/1997	Quảng Ninh	3.28	Giỏi	
208	1111020653	Đỗ Thị Thuý Hoa	Nữ	D11KT9	20/01/1997	Phú Thọ	2.98	Khá	
209	1111020660	Lê Thị Huyền	Nữ	D11KT9	21/05/1997	Hà Giang	2.83	Khá	
210	1111020662	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	D11KT9	07/11/1997	Hà Nội	3.02	Khá	
211	1111020657	Trần Thu Hương	Nữ	D11KT9	11/12/1996	Hà Nội	2.21	Trung bình	
212	1111020666	Lưu Thị Huyền Linh	Nữ	D11KT9	31/12/1997	Thái Bình	2.77	Khá	
213	1111020668	Hoàng Long	Nam	D11KT9	18/04/1997	Phú Thọ	2.37	Trung bình	
214	1111020669	Nguyễn Phương Mai	Nữ	D11KT9	30/01/1997	Hung Yên	2.66	Khá	
215	1111020674	Lê Hồng Nhung	Nữ	D11KT9	05/01/1997	Thanh Hóa	2.66	Khá	
216	1111020679	Hà Thị Phương Thảo	Nữ	D11KT9	13/08/1997	Quảng Ninh	3.19	Khá	
217	1111020680	Nguyễn Hồng Thảo	Nữ	D11KT9	04/08/1997	Sơn La	2.71	Khá	
218	1111020681	Nguyễn Thu Thảo	Nữ	D11KT9	27/10/1997	Hà Nội	2.79	Khá	
219	1111020688	Đỗ Thị Huyền Trang	Nữ	D11KT9	19/05/1997	Nam Định	2.35	Trung bình	
220	1111020690	Hoàng Thị Huyền Trang	Nữ	D11KT9	11/08/1997	Thanh Hóa	2.22	Trung bình	
221	1111020691	Mai Quỳnh Trang	Nữ	D11KT9	10/06/1997	Quảng Ninh	2.71	Khá	
222	1111020694	Tô Thị Linh Trang	Nữ	D11KT9	06/08/1997	Quảng Ninh	2.48	Trung bình	
223	1111020696	Trần Quốc Trung	Nam	D11KT9	28/02/1997	Hà Nam	3.25	Giỏi	
224	1111020699	Lê Thị Tường Vi	Nữ	D11KT9	05/04/1997	Hà Nam	2.35	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
225	1111020799	Ngô Thị Vân Anh	Nữ	Đ11ST.KT10	27/08/1997	Bắc Giang	2.58	Khá	
226	1111020910	Lưu Thị Dung	Nữ	Đ11ST.KT10	10/06/1997	Thanh Hóa	2.76	Khá	
227	1111020915	Ngô Minh Hà	Nữ	Đ11ST.KT10	10/10/1997	Hà Nội	2.56	Khá	
228	1111020855	Nguyễn Thị Việt Hà	Nữ	Đ11ST.KT10	13/03/1997	Sơn La	2.27	Trung bình	
229	1111020798	Trần Thị Mỹ Hạnh	Nữ	Đ11ST.KT10	02/01/1997	Phú Thọ	2.57	Khá	
230	1111020864	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	Đ11ST.KT10	02/08/1997	Nghệ An	2.74	Khá	
231	1111020895	Trần Thị Hằng	Nữ	Đ11ST.KT10	02/09/1997	Nam Định	2.69	Khá	
232	1111020734	Hoàng Thị Hiền	Nữ	Đ11ST.KT10	08/10/1996	Hải Dương	3.2	Giỏi	
233	1111020859	Vũ Thị Thu Hoài	Nữ	Đ11ST.KT10	19/02/1997	Nam Định	2.65	Khá	
234	1111020897	Phan Thị Thúy Hồng	Nữ	Đ11ST.KT10	18/11/1997	Ninh Bình	2.7	Khá	
235	1111020902	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	Đ11ST.KT10	29/06/1997	Thái Bình	2.65	Khá	
236	1111020822	Trịnh Thanh Huyền	Nữ	Đ11ST.KT10	19/05/1997	Hà Nội	2.9	Khá	
237	1111020887	Lưu Thanh Hương	Nữ	Đ11ST.KT10	31/10/1997	Vĩnh Phúc	2.83	Khá	
238	1111020793	Nguyễn Mai Hương	Nữ	Đ11ST.KT10	16/08/1997	Hà Nội	2.99	Khá	
239	1111020768	Nguyễn Thị Vân Khánh	Nữ	Đ11ST.KT10	08/11/1997	Phú Thọ	2.83	Khá	
240	1111020923	Nguyễn Thị Bích Liên	Nữ	Đ11ST.KT10	18/05/1997	Phú Thọ	2.74	Khá	
241	1111020898	Trần Công Thành Long	Nam	Đ11ST.KT10	13/01/1995	Nam Định	2.88	Khá	
242	1111020908	Nguyễn Thị Ly	Nữ	Đ11ST.KT10	07/07/1997	Nghệ An	2.65	Khá	
243	1111020129	Phùng Thị Minh Lý	Nữ	Đ11ST.KT10	24/01/1997	Hà Nội	2.87	Khá	
244	1111020810	Đinh Thị Ngọc Mai	Nữ	Đ11ST.KT10	14/06/1997	Ninh Bình	2.86	Khá	
245	1111020823	Vũ Thị Kiều Mai	Nữ	Đ11ST.KT10	18/10/1997	Hòa Bình	2.87	Khá	
246	1111020824	Nguyễn Trần Nam	Nam	Đ11ST.KT10	29/01/1997	Hà Nội	2.37	Trung bình	
247	1111020710	Đào Thị Thúy Nga	Nữ	Đ11ST.KT10	12/10/1997	Hà Nội	3.32	Giỏi	
248	1111020711	Cao Thị Bích Ngọc	Nữ	Đ11ST.KT10	04/08/1997	Phú Thọ	2.95	Khá	
249	1111020763	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	Đ11ST.KT10	12/08/1997	Nam Định	3.13	Khá	
250	1111020904	Tô Thị Hồng Phương	Nữ	Đ11ST.KT10	13/01/1997	Hà Nội	2.76	Khá	
251	1111020913	Phạm Thị Phượng	Nữ	Đ11ST.KT10	15/06/1997	Thanh Hoá	2.85	Khá	
252	1111020722	Chu Thị Ngọc Thảo	Nữ	Đ11ST.KT10	21/08/1997	Hưng Yên	2.44	Trung bình	
253	1111020847	Chu Thị Phương Thảo	Nữ	Đ11ST.KT10	13/04/1996	Hà Nội	2.88	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
254	1111020916	Trần Thu Thảo	Nữ	Đ11ST.KT10	09/12/1997	Hà Nội	2.68	Khá	
255	1111020717	Lê Thị Thu	Nữ	Đ11ST.KT10	18/02/1996	Thanh Hóa	2.55	Khá	
256	1111020927	Phạm Thị Hồng Thu	Nữ	Đ11ST.KT10	24/08/1997	Thái Bình	3.06	Khá	
257	1111020809	Phạm Thị Thương Thương	Nữ	Đ11ST.KT10	01/04/1997	Lai Châu	2.56	Khá	
258	1111020848	Nguyễn Thị Kiều Trang	Nữ	Đ11ST.KT10	29/04/1997	Hà Nội	2.94	Khá	
259	1111020845	Nguyễn Thị Kiều Trinh	Nữ	Đ11ST.KT10	22/10/1997	Hà Nội	2.96	Khá	
260	1111020708	Đào Duy Tùng	Nam	Đ11ST.KT10	19/08/1996	Hà Nội	2.4	Trung bình	
261	1111020709	Trần Thu Uyên	Nữ	Đ11ST.KT10	01/06/1997	Hà Nam	2.55	Khá	

Danh sách này có 261 sinh viên, trong đó xếp hạng tốt nghiệp loại:

Giỏi	28 sinh viên;
Khá	197 sinh viên;
Trung bình	36 sinh viên.


HIỆU TRƯỞNG
TS. Hà Xuân Hùng